

Bản án số: **403/2022/HS-PT**

Ngày: 22/9/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Thanh

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Tấn Hoàng

Ông Lê Tự

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 217/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Mai Quốc D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2022/HS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

*Bị cáo có kháng cáo*

**Mai Quốc D** (*Mai Nguyễn Hoàng V*), sinh năm 1980, tại Khánh Hòa; nơi cư trú: tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nguyên giám đốc công ty TNHH P - N; trình độ học vấn 12/12; con ông Mai Kim (*1951*) và bà Nguyễn Thị Mỹ Hòa (*1954*);

Tiền án: Bản án số 101/2010/HSPT ngày 17/6/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Bản án số 21/2011/HSST ngày 28/7/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 09 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 09 năm 9 tháng tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù lần đầu ngày 28/5/2013, đã chấp hành án tính đến ngày 13/10/2017 là 02 năm 10 tháng 24 ngày; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/9/2021- Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Hồ Ngọc N - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư H - KBC, Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*Bị hại:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khánh Hòa- Vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Khánh Hòa- Văng mặt.
  2. Ông Trần Trung H, sinh năm 1990; nơi cư trú: N, Khánh Hòa- Xin xét xử vắng mặt.
  3. Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1983; nơi cư trú: N, Khánh Hòa- vắng mặt.
  4. Bà Kiều Thị Thanh T, sinh năm 1963; nơi cư trú: N, Khánh Hòa- Có mặt.
  5. Bà Bùi Thị Xuân P, sinh năm 1971; nơi cư trú: N, Khánh Hòa- Xin xét xử vắng mặt.
- Người làm chứng*  
Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1978; địa chỉ: N- Văng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Thông qua mối quan hệ nên Mai Quốc D quen biết với Nguyễn Thanh T, D nói mình là chủ sở hữu lô đất có diện tích 3.000m<sup>2</sup> tại tổ 5, đội 2, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa và đưa tờ trích đo địa chính thửa đất diện tích 3.215m<sup>2</sup> (*không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền*) đồng thời nói ông T nếu muốn mua thì ký Hợp đồng góp vốn với số tiền 700.000.000đ cùng với D và D cam kết sẽ chuyển nhượng 50% giá trị sử dụng phần tài sản góp vốn cho ông T. Ông T đồng ý và nhờ bà Nguyễn Thị T (*là em ruột*) ký thay vào bên B (*bên góp vốn*) trong Hợp đồng góp vốn lập ngày 07/6/2018 giữa ông T và D; còn D ký vào Bên A (*bên nhận góp vốn*) hiện đang là chủ sở hữu của 3.000m<sup>2</sup> đất này. Ngày 09/6/2018, ông T yêu cầu T làm lại Hợp đồng góp vốn để ông T cùng ký với D chứ không để T ký thay. Do vậy, T soạn lại Hợp đồng góp vốn ngày 09/6/2018, nội dung như Hợp đồng góp vốn ngày 07/6/2018, phía cuối hợp đồng ông T ký vào bên B (*bên góp vốn*) và D ký vào bên A (*bên nhận góp vốn*).

Sau khi ký Hợp đồng góp vốn ngày 09/6/2018, ông T chuyển tiền vào số tài khoản số 0061000743362 thuộc Ngân hàng V - Chi nhánh N của bà T tổng cộng là 700.000.000đ. Sau khi nhận tiền, bà T đã chuyển đủ số tiền 700.000.000đ cho D. D cam kết thỏa thuận trong thời gian 03 tháng (kể từ ngày 09/6/2018) D sẽ hoàn tất thủ tục chuyển nhượng diện tích 3.000m<sup>2</sup> đất này cho ông T đứng tên chủ sở hữu và chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành đất ở tại nông thôn, nếu không hoàn thành thì phải trả lại số tiền 700.000.000đ và bồi thường 50% giá trị hợp đồng là 350.000.000đ. Tuy nhiên sau đó, D không thực hiện theo nội dung cam kết trong hợp đồng và cũng không thanh toán trả lại tiền cho ông T.

Qua tìm hiểu ông T biết được lô đất có diện tích 3.000m<sup>2</sup> tại địa chỉ tổ 5, đội 2, xã D, huyện D mà D ký Hợp đồng góp vốn ngày 09/6/2018 với ông T thuộc tục danh bãi bồi chùa C, là đất bãi bồi ven sông C, xã D, huyện D, chưa được đo vẽ nên chưa có sổ thửa, sổ tờ bản đồ và thuộc quyền quản lý của ủy ban nhân dân xã D, huyện D. Không có lô đất nào có địa chỉ: Tờ bản đồ số 9, 10 tại

tổ 5, đội 2, xã D, huyện D như ghi trong Hợp đồng góp vốn lập ngày 09/6/2018 giữa ông T với D. Không có ai kê khai đăng ký biến động về diện tích 3.000m<sup>2</sup> đất tại địa chỉ này.

Tại bản Kết luận giám định số 522/GDTP/2019 ngày 10/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa, kết luận: Chữ ký mang tên “Mai Quốc D” trên “Hợp đồng góp vốn” đề ngày 09/6/2018 với các tài liệu so sánh là do cùng một người ký ra.

**Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2022/HS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:**

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Mai Quốc D.

Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 của Bộ luật D sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Mai Quốc D 13 (mười ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 23/9/2021.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/5/2022 bị cáo kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị cáo Mai Quốc D giữ nguyên kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; tuyên bố bị cáo Mai Quốc D phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bị cáo Mai Quốc D khai nhận hành vi của bị cáo cùng bị hại Nguyễn Thanh T thỏa thuận chuyển nhượng 50% diện tích 3.000m<sup>2</sup> đất bãi bồi của bị cáo tại tổ 5, đội 2, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa với giá 700.000.000 đồng và cam kết trong thời gian 03 tháng (*kể từ ngày 09/6/2018*), bị cáo D sẽ hoàn tất thủ tục chuyển nhượng diện tích 3.000m<sup>2</sup> đất này cho ông T đứng tên chủ sở hữu, đồng thời chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành đất ở và nếu không hoàn thành được cam kết thì Mai Quốc D phải trả lại số tiền 700.000.000đ + bồi thường 50% giá trị hợp đồng là 350.000.000 đồng như nội dung của các hợp đồng góp vốn ngày 07/6/2018 và hợp đồng góp vốn ngày 09/6/2018.

[1.1] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại Nguyễn Thanh T và lời khai của bà Nguyễn Thị T. Đồng thời sau khi ký hợp đồng góp vốn thì bị cáo đã nhận đủ số tiền 700.000.000đ. Như vậy, việc thỏa thuận và ký kết các hợp đồng góp vốn ngày 07/6/2018 và 09/6/2018 là có thật và có giá trị chứng

minh hành vi của bị cáo Mai Quốc D trong vụ án này.

[1.2] Bị cáo Mai Quốc D không thừa nhận hợp đồng góp vốn ngày 09/6/2018. Tuy nhiên, nội dung của hợp đồng góp vốn ngày 09/6/2018 và nội dung của hợp đồng góp vốn ngày 07/6/2018 là hoàn toàn giống nhau. Đồng thời, bị cáo D thừa nhận hợp đồng góp vốn ngày 07/6/2018 do bà Nguyễn Thị T ký là ký thay cho bị hại Nguyễn Thanh T “*biết T là em ruột ông T nên tôi đồng ý để T ký thay ông T trong hợp đồng góp vốn ngày 07/6/2018 ...*”. Do đó, hợp đồng góp vốn ngày 09/6/2018 (có chữ ký ông T) là hợp đồng được ký lại theo đúng chủ thể được ghi trong hợp đồng ngày 07/6/2018. Mặt khác, hợp đồng góp vốn ngày 09/6/2018 có đầy đủ chữ ký của bị cáo D và con dấu của Công ty P của bị cáo D (bên nhận góp vốn), được bị cáo D thừa nhận: “*con dấu trong hợp đồng là do bị cáo đóng*” nên việc bị cáo Mai Quốc D không thừa nhận hợp đồng góp vốn ngày 09/6/2018 là không có cơ sở và nhằm mục đích chối tội.

[2] Bị cáo Mai Quốc D thực hiện các quyền chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất thì phải đủ các điều kiện được quy định tại các Điều 188, 189, 190, 191, 192, 193 và 194 luật đất đai năm 2013. Tuy nhiên, theo các Biên bản xác định thửa đất do Công an tỉnh Khánh Hòa lập ngày 16/5/2019, Biên bản xác minh tại UBND xã D ngày 01/8/2019 và Biên bản xác minh tại Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D ngày 10/12/2020 đã thể hiện: Tại thời điểm bị cáo D đưa diện tích 3.000m<sup>2</sup> đất bãi bồi Chùa C vào giao dịch theo Hợp đồng ngày 07/6/2018, ngày 09/6/2018 thì diện tích đất này chưa được đo vẽ, chưa có sổ thửa, sổ tờ bản đồ, thuộc quyền quản lý của UBND xã D và không có lô đất nào có địa chỉ là : “*Tờ bản đồ số 9, 10 tại địa chỉ Tổ 5, Đội 2, Xã D, Huyện D*” và cũng không có ai kê khai đăng ký biến động về diện tích 3.000m<sup>2</sup> đất tại địa chỉ này như các hợp đồng góp vốn đã ghi nhận. Bên cạnh đó, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bị cáo D đã thừa nhận hành vi đưa ra các thông tin không đúng sự thật tại các hợp đồng góp vốn ngày 07/6/2018 và 09/6/2018: “*Địa chỉ thửa đất 3.000m<sup>2</sup> này là do tôi căn cứ vào tờ trích đo địa chính của lô đất 20.000m<sup>2</sup> mà UBND xã D cho bà Nguyễn thị Ngọc C thuê...để trồng cây lâu năm và tôi xem trên bản đồ thấy vị trí trích đo từ: M23-M24...nối liền đến M29 nên tôi đặt thông tin là tờ bản đồ số 9, 10...tại địa chỉ tổ 5, đội 2, xã D, huyện D...3.000m<sup>2</sup>, đất này nằm ngoài 20.000m<sup>2</sup> đất do bà Nguyễn thị Ngọc C thuê*”. Như vậy, bị cáo Mai Quốc D đã thực hiện hành vi đưa ra thông tin sai sự thật đối với bị hại Nguyễn Thanh T để nhận số tiền 700 triệu đồng của bị hại T. Bị hại Nguyễn Thanh T tin tưởng bị cáo Mai Quốc D “*là chủ sở hữu của bất động sản tại trích lục tờ bản đồ số 9, 10 tại địa chỉ tổ 5, đội 2, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa ...Diện tích sử dụng 3.000m<sup>2</sup>*” (Điều 1 của Hợp đồng góp vốn) nên giao số tiền 700.000.000đ cho bị cáo D và bị cáo D đã nhận đủ số tiền của bị hại nhưng bị cáo không thực hiện bất kỳ hành vi nào theo nội dung thỏa thuận: Đo lại diện tích thực tế; đăng ký, kê khai biến động; chuyển mục đích và lập thủ tục cấp giấy chứng nhận là gian dối và là nhằm chiếm đoạt số tiền 700.000.000đ.

Bị cáo Mai Quốc D có lời khai cho rằng diện tích 3.000m<sup>2</sup> tại các hợp đồng góp vốn ngày 07/6/2018 và 09/6/2018, là bãi tập kết xe đổ cát được bị cáo nhận chuyển nhượng lại của một người khác nhưng không có tài liệu chứng

minh: “tôi sang nhượng lại số tiền khoảng 60.000.000 đồng, có làm giấy tay nhưng đã bị thất lạc” và không có bất cứ tài liệu, giấy tờ hợp pháp nào để làm căn cứ xác lập quyền sử dụng đối với diện tích đất này.

[3] Bị cáo Mai Quốc D cho rằng đã giao số tiền 700 triệu đồng của bị hại T cho chị Nguyễn Thị T (là em ruột ông T) theo 02 giấy nộp tiền; đó là: Giấy nộp tiền ngày 19/9/2018 và Giấy nộp tiền ngày 01/10/2018. Tuy nhiên, chị T xác định số tiền nhận từ 02 giấy nêu trên là số tiền bị cáo D trả nợ riêng cho chị T, không liên quan đến khoản tiền góp vốn của bị hại T; tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo D thừa nhận thời điểm tháng 9, tháng 10/2018 bị cáo D còn nợ tiền chị T. Đồng thời, nội dung của hai Giấy nộp tiền nêu trên không thể hiện nội dung trả lại tiền vốn góp cho bị hại T nên không có căn cứ để chấp nhận lời khai đã trả tiền cho bị hại T theo 02 Giấy nộp tiền ngày 19/9/2018, ngày 01/10/2018 của bị cáo Mai Quốc D.

Mặt khác, lời khai của bị cáo về việc đã trả lại tiền cho bị hại T theo 02 Giấy nộp tiền ngày 19/9/2018 và ngày 01/10/2018 là mâu thuẫn với việc sau đó, bị cáo D và bị hại T lập Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 22/11/2018 có nội dung bị cáo D cam kết sẽ trả cho bị hại T số tiền 1.050.000.000 đồng vào ngày 27/11/2018 (700.000.000đ và bồi thường 50% giá trị hợp đồng là 350.000.000 đồng như nội dung của các hợp đồng góp vốn ngày 07/6/2018, hợp đồng góp vốn ngày 09/6/2018) và giấy hẹn ngày 02/12/2018 cũng có nội dung cam kết trả cho anh T số tiền 1.050.000.000 đồng làm hai đợt (đợt 1 trước 15 giờ ngày 07/12/2018 và đợt 2 trước 15 giờ ngày 14/12/2018).

Vì vậy, có cơ sở xác định lời khai đã trả tiền của bị cáo Mai Quốc D là gian dối. Cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Mai Quốc D, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và buộc bị cáo D trả lại cho bị hại Nguyễn Thanh T số tiền 700.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng, gây hoang mang lo lắng trong đời sống xã hội. Bị cáo đã nhiều lần phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và bị xử phạt tù; trong thời gian được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù tiếp tục phạm tội đã thể hiện sự coi thường pháp luật và khó cải tạo giáo dục. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo 13 (mười ba) năm tù là có chiều cố và không nặng.

[5] Từ các nhận định [1], [2], [3], [4]; HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Quốc D. Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Quốc D và giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 55 và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật D sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Mai Quốc D phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Mai Quốc D 13 (*mười ba*) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt còn lại chưa chấp hành của Bản án số 101/2010/HSPT ngày 17/6/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Bản án số 21/2011/HSST ngày 28/7/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (*Quyết định tổng hợp hình phạt tù số 02/2011/QĐTHHPT-CA ngày 20/9/2011 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng*) là 06 năm 10 tháng 06 ngày; buộc bị cáo Mai Quốc D phải chấp hành hình phạt chung là **19 (*mười chín*) năm 10 (*mười*) tháng 06 (*sáu*) ngày**. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam ngày 23/9/2021.

- Buộc bị cáo Mai Quốc D phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Thanh T số tiền là **700.000.000d** (*bảy trăm triệu đồng*).

- Giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

Bị cáo Mai Quốc D phải chịu án phí phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Trại tạm giam công an tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Phước Thanh**